HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2022/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên, gồm: Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp trường; kỳ thi tuyển sinh vào bậc trung học phổ thông; các cuộc thi, hội thi khác do ngành giáo dục tổ chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Phú Yên được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung, mức chi

1. Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi theo Phụ lục 1 kèm theo nghị quyết này.

2. Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh theo phụ lục 2 kèm theo nghị quyết này.

3. Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện: căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 nghị quyết này để áp dụng với mức chi bằng 80% so với mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.

4. Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường: căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 nghị quyết này để áp dụng với mức chi bằng 60% so với mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.

5. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

6. Các nội dung khác không quy định trong nghị quyết này được áp dụng theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trựcTỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Cao Thị Hòa An

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ..22./2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Chức danh, nhiệm vụ	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			
			Tốt nghiệp THPT	Chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Tuyển sinh vào trung học phổ thông	Chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
A	B	C	1	2	3	4
I	**Chi tiền công cho các chức danh**					
1	**Hội đồng/Ban ra đề thi**					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày			525	525
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày			470	470
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày			420	420
	d) Bảo vệ vòng trong 24/24	người/ngày			320	320
	đ) Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày			320	320
2	**Hội đồng/Ban in sao đề thi**					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	470		430	430
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày	420		380	380
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	người/ngày	320		280	280
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	260		240	240
3	**Ban/Tổ vận chuyển đề thi, bài thi**					
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	người/ngày	525	525	475	475
	b) Ủy viên	người/ngày	420	420	380	380

STT	Chức danh, nhiệm vụ	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			
			Tốt nghiệp THPT	Chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Tuyển sinh vào trung học phổ thông	Chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
4	**Ban chỉ đạo thi**					
	a) Trưởng ban	người/ngày	600			
	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	480			
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày	420			
	d) Nhân viên phục vụ	người/ngày	260			
5	**Hội đồng thi**					
	a) Chủ tịch	người/ngày	600		540	540
	b) Phó Chủ tịch	người/ngày	480		430	430
	c) Ủy viên	người/ngày	420		380	380
6	**Ban thư ký Hội đồng thi**					
	a) Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	420		380	380
	c) Ủy viên	người/ngày	370		330	330
7	**Ban coi thi**					
	a) Trưởng ban	người/ngày	525	525	475	475
	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	470	470	430	430
	c) Ủy viên	người/ngày	420	420	390	390
	d) Thư ký	người/ngày	370	370	330	330
	đ) Cán bộ coi thi (giám thị)	người/ngày	320	320	280	280
	e) Công an, bảo vệ	người/ngày	260	260	240	240

STT	Chức danh, nhiệm vụ	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			
			Tốt nghiệp THPT	Chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Tuyển sinh vào trung học phổ thông	Chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
	g) Nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	người/ngày	260	260	240	240
8	**Ban làm phách**					
	a) Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	420		380	380
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày	370		330	330
	c) Công an làm việc cách ly	người/ngày	320		280	280
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ	người/ngày	260		240	240
9	**Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định bài thi tự luận**					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	470		430	430
	c) Giám khảo/Cán bộ chấm thi	người/ngày	450		400	400
	d) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	người/ngày	370		330	330
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	người/ngày	260		240	240
10	**Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định bài thi trắc nghiệm**					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	525		475	
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	470		430	
	c) Giám khảo/Cán bộ chấm thi	người/ngày	450		400	
	d) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	người/ngày	370		330	
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	người/ngày	260		240	
11	**Trực bảo vệ đề thi, bài thi** (ngoài giờ làm việc của Hội đồng)	người/ngày	260	260	240	240

STT	Chức danh, nhiệm vụ	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			
			Tốt nghiệp THPT	Chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Tuyển sinh vào trung học phổ thông	Chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
12	**Thanh tra thi**					
	a) Trưởng đoàn thanh tra	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Trưởng đoàn thanh tra	người/ngày	420		380	380
	c) Ủy viên đoàn thanh tra	người/ngày	370		330	330
	d) Thanh tra viên độc lập	người/ngày	420		380	380
II	**Tiền công ra đề thi**					
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi					
	a) Chủ trì	người/ngày			475	475
	b) Các thành viên	người/ngày			380	380
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đề			630	700
3	Ra đề thi chính thức và dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm	người/ngày			675	750
III	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi**					
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi					
	a) Chủ trì	người/ngày			475	475
	b) Các thành viên	người/ngày			380	380
2	Soạn thảo câu hỏi thô	câu			70	70
3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập	câu			60	60
4	Chỉnh sửa lại câu hỏi sau thử nghiệm	câu			50	50
5	Chỉnh sửa lại câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	câu			35	35
6	Rà soát, lựa chọn, nhập câu hỏi vào ngân hàng	câu			10	10

STT	Chức danh, nhiệm vụ	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			
			Tốt nghiệp THPT	Chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Tuyển sinh vào trung học phổ thông	Chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
7	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm					
	a) Chủ trì	người/ngày			450	450
	b) Các thành viên	người/ngày			360	360
IV	**Chi tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi**					
1	Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	người/ngày				80
2	Chi biên soạn và giảng dạy	tiết				250
3	Chi trợ lý thí nghiệm, thực hành	tiết				75
V	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học sinh thuộc đội tuyển học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia	học sinh/ngày học bồi dưỡng	120			

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC CUỘC THI, HỘI THI CẤP TỈNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .22./2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)
A	B	C	1
I	**Ban tổ chức**		
1	Trưởng ban	người/ngày	475
2	Phó Trưởng ban	người/ngày	430
3	Thành viên/ủy viên	người/ngày	380
II	**Ban ra đề**		
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	a) Chủ trì	người/ngày	475
	b) Các thành viên	người/ngày	380
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đề	630
3	Ra đề thi chính thức và dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm	người/ngày	675
III	**Ban giám khảo**		
1	Trưởng ban	người/ngày	475
2	Phó Trưởng ban	người/ngày	430
3	Thành viên/ủy viên	người/ngày	380
IV	**Tổ phục vụ**		
1	Tổ trưởng	người/ngày	380
2	Thành viên/Ủy viên	người/ngày	300